

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 22.12.2021

TRÊN CẢ TUYỆT VỜI
Kinh Năm Vị Vua (Pañcarājasuttam)
CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ HAI (S.i, 79)

Ý niệm về sự tuyệt đỉnh của cuộc sống khiến người ta cả quyết cái gì là giá trị tuyệt đối. Đức Phật dạy tất cả sự đánh giá như vậy đều tương đối tùy theo sở thích cá nhân. Nói cách khác, theo Phật Pháp thì những gì khả ái, khả lạc không phải chỉ tùy ngoại xứ mà còn do nội xứ. Người ta nói nói “sướng như vua” vì có thể tận hưởng những dục lạc tốt nhất có thể. Thế nhưng khi năm vị vua cùng đưa ra quan điểm cái gì là tuyệt hảo thì lại có năm ý kiến khác biệt nhau. Đức Phật dạy là trên thực tế cái gọi là tối thượng chỉ là quan niệm dựa trên thị hiếu riêng mỗi người.

Một cư sĩ tình cờ có mặt trong hội chúng khi nghe câu chuyện lại có một cái nhìn khác: hình ảnh của Đức Phật là tối tôn ở đời nhưng vẫn thái dương trên bầu trời. Cảm nhận không liên hệ gì đến đề tài của năm vị vua nhưng khiến tất cả đồng thuận. Trong thế giới thì thiết tất cả chỉ là đối đãi.



Kinh Văn

Sāvattṭhinidānaṃ.

Tại Sāvattṭhī.

Tena kho pana samayena pañcannaṃ rājūnaṃ pasenadipamukhānaṃ pañcahi kāmagaṇehi samappitānaṃ samaṅgībhūtānaṃ paricārayamānānaṃ ayamantarākathā udapādi – “kim nu kho kāmānaṃ agga”nti?

Thuở ấy (có sự tụ họp) năm vị vua đứng đầu là vua Pasenadi nước Kosala. Họ được cung ứng và hưởng thụ sung mãn năm dục lạc. Rồi một cuộc đàm luận khởi lên giữa những vị vua về “dục lạc nào là tối thượng”.

Tatrekacce [tatreke (sī. pī.)] evamāhaṃsu – “rūpā kāmānaṃ agga”nti. Ekacce evamāhaṃsu – “saddā kāmānaṃ agga”nti. Ekacce evamāhaṃsu – “gandhā kāmānaṃ agga”nti. Ekacce evamāhaṃsu – “rasā kāmānaṃ agga”nti. Ekacce evamāhaṃsu – “phoṭṭhabbā kāmānaṃ agga”nti. Yato kho te rājāno nāsakkhiṃsu aññamaññaṃ saññāpetuṃ.

Một vị vua nói rằng “sắc đẹp là khoái lạc tối thượng”. Vị khác nói: “âm thanh là khoái lạc tuyệt hảo”. Vị khác nữa: “mùi hương là khoái lạc đệ nhất”. Cũng có vị nói: “vị ngon là khoái lạc cực phẩm”. Và một vị nói “xúc giác là khoái lạc không gì bằng”. Các vị ấy không ai thuyết phục được nhau về quan điểm của mình.

Atha kho rājā pasenadi kosalo te rājāno etadavoca –

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bảo các vua ấy:

“āyāma, mārisā, yena bhagavā tenupasaṅkamissāma; upasaṅkamitvā bhagavantam etamattham paṭipucchissāma. Yathā no bhagavā byākarissati tathā naṃ dhāressāma”ti [dhāreyyāmāti (sī. syā. kaṃ. pī.)].

-- Chư liệt vị, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời thế nào, chúng ta thọ trì như vậy .

“Evam, mārisā”ti kho te rājāno rañño pasenadissa kosalassa paccassosum.

-- Thừa Ngài vâng ạ. Các vua ấy đồng thuận với vua Pasenadi nước Kosala.

Atha kho te pañca rājāno pasenadipamukhā yena bhagavā tenupasaṅkamimṃsu; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ nisīdimṃsu.

Rồi năm vua ấy, với vua Pasenadi nước Kosala là thượng thủ, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Ekamantaṃ nisinno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantam etadavoca –

Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

“idha, bhante, amhākaṃ pañcannaṃ rājūnaṃ pañcahi kāmagaṇehi samappitānaṃ samaṅgībhūtānaṃ paricārayamānānaṃ ayamantarākathā udapādi – ‘kiṃ nu kho kāmānaṃ agga’nti? Ekacce evamāhaṃsu – ‘rūpā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘saddā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘gandhā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘rasā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘phoṭṭhabbā kāmānaṃ agga’nti. Kiṃ nu kho, bhante, kāmānaṃ agga’nti?”

-- Bạch Thế Tôn, năm vua chúng con tụ họp được cung ứng và hưởng thụ sung mãn năm dục lạc, câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Dục nào là tối thượng?". Một người trong chúng con nói rằng "sắc đẹp là khoái lạc tối thượng". Vị khác nói: "âm thanh là khoái lạc tuyệt hảo". Vị khác nữa: "mùi hương là khoái lạc đệ nhất". Cũng có vị nói: "vị ngon là khoái lạc cực phẩm ". Và một vị nói "xúc lạc là khoái lạc không gì bằng". Các vị ấy không ai thuyết phục được nhau về quan điểm của mình. Bạch Thế Tôn, dục nào là tối thượng?

“Manāpapariyantam khvāham, mahārāja, pañcasu kāmaguṇesu agganti vadāmi. Teva [te ca (sī. pī. ka.), ye ca (syā. kaṃ.)], mahārāja, rūpā ekaccassa manāpā honti, teva [te ca (sī. pī. ka.)] rūpā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo rūpehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi rūpehi aññaṃ rūpaṃ uttaritaram vā pañītataram vā na pattheti. Te tassa rūpā paramā honti. Te tassa rūpā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, saddā ekaccassa manāpā honti, teva saddā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo saddehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi saddehi aññaṃ saddaṃ uttaritaram vā pañītataram vā na pattheti. Te tassa saddā paramā honti. Te tassa saddā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, gandhā ekaccassa manāpā honti, teva gandhā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo gandhehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi gandhehi aññaṃ gandhaṃ uttaritaram vā pañītataram vā na pattheti. Te tassa gandhā paramā honti. Te tassa gandhā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, rasā ekaccassa manāpā honti, teva rasā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo rasehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi rasehi aññaṃ rasaṃ uttaritaram vā pañītataram vā na pattheti. Te tassa rasā paramā honti. Te tassa rasā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, phoṭṭhabbā ekaccassa manāpā honti, teva phoṭṭhabbā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo phoṭṭhabbehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi phoṭṭhabbehi aññaṃ phoṭṭhabbaṃ uttaritaram vā pañītataram vā na pattheti. Te tassa phoṭṭhabbā paramā honti. Te tassa phoṭṭhabbā anuttarā hontī”ti.

-- Nay Đại vương, tùy vào thị hiếu cá nhân mà một thứ dục lạc được xem là tối thượng.

Cũng là một hình sắc được nhưng được đặc biệt ưa thích bởi người này nhưng không được ưa chuộng bởi người khác. Nếu một người ưa thích thứ hình sắc nào đó với sự thoả mãn và không mong cầu thứ sắc khác hơn thì sắc ấy được xem là tối thượng với người đó.

Cũng là một âm thanh..

Cũng là một mùi hương ..

Cũng là một khẩu vị..

Cũng là một xúc chạm được nhưng được đặc biệt ưa thích bởi người này nhưng không được ưa chuộng bởi người khác. Nếu một người ưa thích thứ xúc chạm nào đó với sự thoả mãn và không mong cầu thứ xúc chạm khác hơn thì xúc chạm ấy được xem là tối thượng với người đó.

Tena kho pana samayena candanaṅgaliko upāsako tassaṃ parisāyaṃ nisinno hoti. Atha kho candanaṅgaliko upāsako uṭṭhāyāsanā ekaṃsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjalim paṇāmetvā bhagavantam etadavoca –

Lúc bấy giờ có nam cư sĩ Candanangalika hiện diện trong hội chúng ấy. Rồi cư sĩ Candanangalika từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y lên một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch rằng:

“paṭibhāti maṃ bhagavā, paṭibhāti maṃ sugatā”ti.

-- Bạch Thế Tôn, một ý tưởng cảm hứng khởi lên nơi con. Bạch Thiện Thế một ý tưởng cảm hứng khởi lên nơi con.

“Paṭibhātu taṃ candanaṅgalikā”ti bhagavā avoca.

Đức Thế Tôn dạy:

-- Nay Candanangalika, hãy nói lên một ý tưởng cảm hứng ấy.

Atha kho candanaṅgaliko upāsako bhagavato sammukhā tadanurūpāya gāthāya abhitthavi –

Rồi cư sĩ Candanangalika nói lên kệ ngôn xưng tán thích hợp trước Đức Thế Tôn:

“Padumaṃ yathā kokanadaṃ sugandhaṃ,

Pāto siyā phullamavītagandhaṃ;

Aṅgīrasaṃ passa virocamaṇaṃ,

Tapantaṃādiccamivantalikkhe”ti.

Như sen hồng ngát hương,

Tên kokanada,

Nở ra buổi ban mai,

Với mùi thơm ngào ngạt,
Đáng *Āṅgīrasa*,
Với hào quang chói sáng,
Như mặt nhật trên không.

Atha kho te pañca rājāno candanaṅgalikaṃ upāsakaṃ pañcahi uttarāsaṅgehi acchādesuṃ.

Rồi năm vị vua tặng cư sĩ Candanangalika năm áo choàng.

Atha kho candanaṅgaliko upāsako tehi pañcahi uttarāsaṅgehi bhagavantam acchādesīti.

Nhưng cư sĩ Candanangalika đem cả năm áo choàng cúng dường Đức Thế Tôn.



Thích văn

Manāpapariyantam khvāham mahārāja pañcasu kāmagaṇesu aggan ti vadāmi
= là câu Phật ngôn được Sớ giải chú thích là mang ý nghĩa theo thành ngữ
“manāpanipphattiṃ manāpakotiṃ” cái gì tâm ưa chuộng nhất thì cái đó tối thượng
hay “tuỳ theo thị hiếu cá nhân”

“**Padumam yathā kokanadam sugandham** = Như sen hồng kokanada ngát hương

Pāto siyā phullamavītagandham = Nở vào buổi sớm mai ngào ngạt

Āṅgīrasam passa virocamaṇam = Hãy nhìn đấng *Āṅgīrasa* (...)

Tapantamādiccamivantalikkhe”ti = Sáng chói như mặt trời trên hư không



Thích nghĩa

Đại từ Āṅgīrasa có thể hiểu theo hai ý nghĩa. Thứ nhất Đức Phật là Đấng Āṅgīrasa vì hào quang toả sáng (Đấng Minh Quang); thứ hai, Đức Phật là Đấng Āṅgīrasa vì Ngài mang họ Gotama (giòng tộc được gọi là Āṅgīrasa)

Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

2. Pañcarājasuttam [Mūla]

123. Sāvattthinidānaṃ. Tena kho pana samayena pañcannaṃ rājūnaṃ pasenadīpamukhānaṃ pañcahi kāmagaṇehi samappitānaṃ samaṅgībhūtānaṃ paricārayamānānaṃ ayamantarākathā udapādi – “kiṃ nu kho kāmānaṃ agga’nti? Tatrekacce [tatreke (sī. pī.)] evamāhaṃsu – “rūpā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – “saddā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – “gandhā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – “rasā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – “phoṭṭhabbā kāmānaṃ agga’nti. Yato kho te rājāno nāsakkhiṃsu aññaṃaññaṃ saññāpetuṃ.

Atha kho rājā pasenadi kosalo te rājāno etadavoca – “āyāma, mārisā, yena bhagavā tenupasaṅkamissāma; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ etamatthaṃ paṭipucchissāma. Yathā no bhagavā byākarissati tathā naṃ dhāressāmā’ti [dhāreyyāmāti (sī. syā. kaṃ. pī.)]. “Evaṃ, mārisā’ti kho te rājāno rañño pasenadissa kosalassa paccassosuṃ.

Atha kho te pañca rājāno pasenadīpamukhā yena bhagavā tenupasaṅkamīsu; upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdiṃsu. Ekamantaṃ nisīno kho rājā pasenadi kosalo bhagavantaṃ etadavoca – “idha, bhante, amhākaṃ pañcannaṃ rājūnaṃ pañcahi kāmagaṇehi samappitānaṃ samaṅgībhūtānaṃ paricārayamānānaṃ ayamantarākathā udapādi – ‘kiṃ nu kho kāmānaṃ agga’nti? Ekacce evamāhaṃsu – ‘rūpā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘saddā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘gandhā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘rasā kāmānaṃ agga’nti. Ekacce evamāhaṃsu – ‘phoṭṭhabbā kāmānaṃ agga’nti. Kiṃ nu kho, bhante, kāmānaṃ agga’nti?

“Manāpapariyantaṃ khvāhaṃ, mahārāja, pañcasu kāmagaṇesu agganti vadāmi. Teva [te ca (sī. pī. ka.), ye ca (syā. kaṃ.)], mahārāja, rūpā ekaccassa manāpā honti, teva [te ca (sī. pī. ka.)] rūpā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo rūpehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi rūpehi aññaṃ rūpaṃ uttaritaraṃ vā paṇītaraṃ vā na pattheti. Te tassa rūpā paramā honti. Te tassa rūpā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, saddā ekaccassa manāpā honti, teva saddā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo saddehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi saddehi aññaṃ saddaṃ uttaritaraṃ vā paṇītaraṃ vā na pattheti. Te tassa saddā paramā honti. Te tassa saddā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, gandhā ekaccassa manāpā honti, teva gandhā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo gandhehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi gandhehi aññaṃ gandhaṃ uttaritaraṃ vā paṇītaraṃ vā na pattheti. Te tassa gandhā paramā honti. Te tassa gandhā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, rasā ekaccassa manāpā honti, teva rasā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo rasehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi rasehi aññaṃ rasaṃ uttaritaraṃ vā paṇītaraṃ vā na pattheti. Te tassa rasā paramā honti. Te tassa rasā anuttarā honti.

“Teva, mahārāja, phoṭṭhabbā ekaccassa manāpā honti, teva phoṭṭhabbā ekaccassa amanāpā honti. Yehi ca yo phoṭṭhabbehi attamano hoti paripuṇṇasaṅkappo, so tehi phoṭṭhabbehi aññaṃ phoṭṭhabbaṃ uttaritaraṃ vā paṇītaraṃ vā na pattheti. Te tassa phoṭṭhabbā paramā honti. Te tassa phoṭṭhabbā anuttarā hontī”ti.

Tena kho pana samayena candanaṅgaliko upāsako tassaṃ parisāyaṃ nisinno hoti. Atha kho candanaṅgaliko upāsako utthāyāsanaṃ ekamsaṃ uttarāsaṅgaṃ karitvā yena bhagavā tenañjalim paṇāmetvā bhagavantam etadavoca – “paṭibhāti maṃ bhagavā, paṭibhāti maṃ sugatā”ti. “Paṭibhātu taṃ candanaṅgalikā”ti bhagavā avoca.

Atha kho candanaṅgaliko upāsako bhagavato sammukhā tadanurūpāya gāthāya abhitthavi –

“Padumaṃ yathā kokanadaṃ sugandhaṃ,
Pāto siyā phullamavītagandhaṃ;
Aṅgīrasaṃ passa virocamaṇaṃ,
Tapantaṃ mādiccamivantaṃ likkhe”ti.

Atha kho te pañca rājāno candanaṅgalikaṃ upāsakaṃ pañcahi uttarāsaṅgehi acchādesuṃ. Atha kho candanaṅgaliko upāsako tehi pañcahi uttarāsaṅgehi bhagavantam acchādesīti.

2. Pañcarājasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

123. Dutiye rūpāti nīlapītādibhedam rūpārammaṇam. **Kāmānaṃ** agganti etaṃ kāmānaṃ uttamaṃ seṭṭhanti rūpagaruko āha. Sesesupi eseva nayo. **Yatoti** yadā. **Manāpapariyantanti** manāpanipphattikaṃ manāpakoṭikaṃ. Tattha dve manāpāni puggalamanāpaṃ sammutimanāpaṇca. Puggalamanāpaṃ nāma yaṃ ekassa puggalassa itthaṃ kantaṃ hoti, tadeva aññaṃ anitthaṃ akantaṃ. Paccantavāsīnañhi gaṇḍuppādāpi itthā honti kantā manāpā, majjhimadesavāsīnaṃ

atijegucchā. Tesañca moramaṃsādīni itṭhāni honti, itaresaṃ tāni atijegucchāni. Idaṃ puggalamanāpaṃ. Itaraṃ sammutimanāpaṃ.

Itṭhānitṭhārammaṇaṃ nāma loke paṭivibhattaṃ natthi, vibhajitvā pana dassetabbaṃ. Vibhajantena ca na atiissarānaṃ mahāsammata mahāsudassanadhammāsokādīnaṃ vasena vibhajitabbaṃ. Tesañhi dippakappampi ārammaṇaṃ amanāpaṃ upatṭhāti. Atiduggatānaṃ dullabhannapānānaṃ vasenapi na vibhajitabbaṃ. Tesañhi kaṇājakabhattasitṭhānīpi pūtimamsassa rasopi atimadhuro amatasadiso hoti. Majjhimānaṃ pana gaṇakamahāmattasetṭhi kuṭumbikavāṇijādīnaṃ kālena itṭhaṃ kālena anitṭhaṃ labhamānānaṃ vasena vibhajitabbaṃ. Tañca panetaṃ ārammaṇaṃ javanaṃ paricchindituṃ na sakkoti. Javanañhi itṭhepi rajjati anitṭhepi, itṭhepi dussati anitṭhepi. Ekantato pana vipākacittaṃ itṭhānitṭhaṃ paricchindati. Kiñcāpi hi micchādītṭhikā buddhaṃ vā saṅghaṃ vā mahācetiyaḍḍīni vā ulārāni ārammaṇāni disvā akkhīni pidahanti domanassaṃ āpajjanti, dhammasaddaṃ sutvā kaṇṇe thakenti, cakkhuviññāṇasotaviññāṇāni pana tesaṃ kusalavipākāneva honti. Kiñcāpi gūthasūkarādayo gūthagandhaṃ ghāyitvā khādituṃ labhissāmāti somanassajātā honti, gūthadassane pana nesaṃ cakkhuviññāṇaṃ, tassa gandhaghāyane ghānaviññāṇaṃ, rasasāyane jivhāviññāṇaṃca akusalavipākameva hoti. Bhagavā pana puggalamanāpataṃ sandhāya **te ca, mahārāja, rūpātīdimāha.**

Candanaṅgalikoti idaṃ tassa upāsakassa nāmaṃ. **Paṭibhāti maṃ bhagavāti** bhagavā mayhaṃ ekaṃ kāraṇaṃ upatṭhāti paññāyati. Tassa te pañca rājāno āmuttamaṇikuṇḍale sajjitāya āpānabhūmiyā nisinnavaseneva mahatā rājānubhāvena paramena issariyavibhavana āgantvāpi dasabalassa santike ṭhitakālato patṭhāya divā padīpe viya udakābhisitte aṅgāre viya sūriyutṭhāne khajjopanake viya ca hatappabhe hatasobhe taṃ tathāgatañca tehi satagaṇena sahasagaṇena virocamaṇaṃ disvā, “mahantā vata bho buddhā nāmā”ti paṭibhānaṃ udapādi. Tasmā evamāha.

Kokanadanti padumassevetāṃ vevacanaṃ. **Pātoti** kālasseva. **Siyāti** bhaveyya. **Avītagandhanti** avigatagandhaṃ. **Aṅgīrasanti** sammāsambuddhaṃ. Bhagavato hi aṅgato rasmiyo nikkhamanti, tasmā aṅgīrasoti vuccati. Yathā kokanadasaṅkhātaṃ padumaṃ pātova phullaṃ avītagandhaṃ siyā, evameva bhagavantaṃ aṅgīrasaṃ tapantaṃ ādiccamiva antalikkhe virocamaṇaṃ passāti ayamettha saṅkhepattho. **Bhagavantaṃ acchādesīti** bhagavato adāsīti attho. Lokavohārato panettha īdisaṃ vacanaṃ hoti. So kira upāsako – “ete tathāgatassa guṇesu pasīditvā mayhaṃ pañca uttarāsaṅge denti, ahampi te bhagavatova dassāmī”ti cintetvā adāsī. Dutiyāṃ.